

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày 17-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên - Cán bộ xã Minh Tân
2. Bà Trần Thị Thủy - Giáo viên trường THCS xã Tân Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Cao K, sinh ngày 19-9-2004, tại: Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao H (K), sinh năm 1972 và bà Trần Thị R (D), sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 06-01-2021 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Nguyễn Cao K: Ông Nguyễn Cao H (Nguyễn Cao K), sinh năm 1972 (là bố đẻ bị cáo).

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao K: Ông Vũ Ngọc Trinh là Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình; (có mặt).

- Bị hại: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Đào L (Trần Đức D), sinh năm 1983
Nơi cư trú: Thôn M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi tối một ngày cuối tháng 5-2020, bị cáo Nguyễn Cao K đến nhà chị Trần Thị Y thuê ở thôn Ruộm, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình mục đích nhìn lén (trộm) chị Y tắm. Khi đến cổng nhà chị Y, bị cáo K nhìn thấy chị Y đang quan hệ tình dục với một người đàn ông tại khu vực lán để xe nên đã sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung J6, màu nâu của bị cáo quay video ghi lại hình ảnh, đang quay thì bị chị Y phát hiện nên bị cáo K bỏ chạy về nhà. Sau đó, bị cáo K đến nhà anh Trần Đào L ở tại thôn M, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang học nghề mộc. Tại đây, bị cáo K sử dụng mạng facebook và biết chị Y thường xuyên đăng tải video, hình ảnh trên trang facebook cá nhân. Bị cáo K đã sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung J6 của mình lập tài khoản facebook M “Trần Văn Q” kết bạn, nhắn tin với tài khoản facebook “Trần Hải Y” của chị Y. Khoảng 11 giờ ngày 30-12-2020, bị cáo K về nhà ở thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, nhìn thấy chị Y nên nảy sinh ý định dùng đoạn video trên đe dọa chị Y để lấy tiền. Đến 20 giờ 43 phút cùng ngày, bị cáo K nhắn tin thông báo cho chị Y biết bị cáo có video quay cảnh chị Y quan hệ tình dục với bạn trai, yêu cầu chị Y phải chuyển cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng và đe dọa nếu không chuyển tiền sẽ đăng tải video lên mạng xã hội. Sau khi nhận được tin nhắn của bị cáo K, chị Y biết việc mình quan hệ tình dục với bạn trai đã bị bị cáo K nhìn trộm và quay video, lo sợ video sẽ bị đăng tải lên mạng xã hội nên đã đồng ý chuyển tiền cho bị cáo K và yêu cầu bị cáo K xóa video trên. Bị cáo K hỏi mượn số tài khoản của anh Trần Đào L, mục đích để nhận tiền của chị Y và tránh bị phát hiện, bị cáo nói với anh L có bạn gửi trả 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo không có tài khoản ngân hàng nên anh L đồng ý. Sau khi anh L cung cấp số tài khoản 43010000120512 tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) của anh L cho bị cáo thì bị cáo nhắn tin số tài khoản trên cho chị Y. Đến 19 giờ 48 phút ngày 31-12-2020, chị Y dùng điện thoại Oppo đăng nhập vào tài khoản số 6880125699999 của mình tại ngân hàng quân đội (MB) thực hiện việc chuyển số tiền 5.000.000 đồng đến số tài khoản 43010000120512 theo yêu cầu của bị cáo K, đồng thời chụp ảnh màn hình việc chuyển tiền gửi cho bị cáo K biết. Sau khi nhận được tin nhắn đã chuyển tiền của chị Y, bị cáo K xóa video và nhờ anh L đi rút tiền, do không nhớ mật khẩu thẻ nên anh L chưa rút được tiền để đưa cho bị cáo K. Sau khi xảy ra sự việc, chị Y đã gửi đơn tố giác hành vi trên của bị cáo K

đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSHH ngày 22-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Cao K về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Cao K khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Nguyễn Cao K là ông Nguyễn Cao H (K) khai: Xác định lời khai của bị cáo Nguyễn Cao K tại phiên tòa là đúng với hành vi vi phạm của bị cáo. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình ông cùng bị cáo đã đến xin lỗi và bồi thường thiệt hại cho chị Trần Thị Y. Đây là lần đầu bị cáo K phạm tội, bị cáo còn trẻ nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, gia đình sẽ có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trở thành người con ngoan, có ích cho gia đình và xã hội.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Cao K như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao K phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 và Điều 101 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao K từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo K cho UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã bồi thường cho bị hại với số tiền là 5.000.000 đồng; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để hóa giá nộp vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6 màu nâu đã qua sử dụng thu của bị cáo K; trả cho bị cáo K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng đã qua sử dụng; trả cho anh Trần Đào L 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, mặt trước in "9704180000010561553", "TRAN DAO LO"; . Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo K và anh Trần Đào L tự giải quyết số tiền 5.000.000 đồng nằm trong tài khoản số 43010000120512 tại

Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) của anh Trần Đào L, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị cáo K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo K, ông Vũ Ngọc Trinh trình bày tranh luận: Nhất trí với nội dung luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và đề nghị HĐXX xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức án nhẹ nhất cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Cao K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an huyện Hưng Hà lập ngày 04-01-2021 tại Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; đơn tố giác tội phạm và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Trần Thị Y; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà lập ngày 06-01-2021 tại Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; biên bản làm việc kiểm tra điện thoại, bản sao chụp màn hình điện thoại của bị cáo Nguyễn Cao K và chị Trần Thị Y do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 04-01-2021 tại Công an huyện Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đào L. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30-

12-2020, bị cáo Nguyễn Cao K có hành vi sử dụng tài khoản “Trần Văn Q” trên mạng Facebook nhắn tin đến tài khoản Facebook “Trần Hải Y” của chị Trần Hải Y đe dọa sẽ đăng video ghi lại hình ảnh quan hệ tình dục của chị Y và bạn trai lên mạng xã hội mục đích chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ của chị Y. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Nguyễn Cao K về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi cưỡng đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Cao K thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS;

[5] Tính đến ngày phạm tội (30-12-2020), bị cáo M 16 năm 03 tháng 11 ngày tuổi nên được áp dụng chương XII - những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng và bị hại có

đơn gửi cơ quan pháp luật với nội dung hai bên đã giải quyết xong phần trách nhiệm dân sự, không yêu cầu gì thêm. Xét sự thỏa thuận trên không trái với qui định của pháp luật, vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi nên căn cứ khoản 6 Điều 91 BLHS không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với anh Trần Đào L: là người cho bị cáo K mượn tài khoản 43010000120512 tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) để chị Y chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào đó theo yêu cầu của bị cáo K. Kết quả điều tra xác định: Lúc bị cáo K hỏi anh L cho chuyển tiền vào tài khoản, bị cáo K không nói với anh L đó là tiền gì và anh L cũng không biết việc bị cáo K sử dụng tài khoản của anh L để thực hiện hành vi phạm tội, anh L không được hưởng lợi gì từ bị cáo K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không xử lý đối với anh L là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã thu của bị cáo Nguyễn Cao K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6, màu nâu đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu vàng đã qua sử dụng; thu của anh Trần Đào L 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, mặt trước in “9704180000010561553”, “TRAN DAO LO”. Quá trình điều tra, xác định bị cáo K đã sử dụng chiếc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6, màu nâu để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để hóa giá chiếc điện thoại này nộp ngân sách nhà nước; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu vàng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo K, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo K; 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, mặt trước in “9704180000010561553”, “TRAN DAO LO” thuộc sở hữu của anh Trần Đào L nên trả cho anh L.

[9.2] Về số tiền 5.000.000 đồng do chị Y chuyển cho bị cáo K thông qua tài khoản số 43010000120512 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) của anh Trần Đào L. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho chị Y số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, số tiền 5.000.000 đồng hiện nay vẫn nằm trong tài khoản của anh Trần Đào L là tài sản của bị cáo K, giữa bị cáo K và anh L đều thỏa thuận tự giải quyết số tiền trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên giữa bị cáo K và anh Trần Đào L.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Cao K phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 và Điều 101 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Cao K 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Cao K cho UBND xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu để hóa giá nộp vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6 màu nâu đã qua sử dụng thu của bị cáo K;

4.2. Trả cho bị cáo K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng đã qua sử dụng;

4.3. Trả cho anh Trần Đào L (Trần Đức Duy) 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV, mặt trước in “9704180000010561553”, “TRAN DAO LO”.

4.4. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo K và anh Trần Đào L tự giải quyết số tiền 5.000.000 đồng nằm trong tài khoản số 43010000120512 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) của anh Trần Đào L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14-5-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Cao K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Cao K, ông Nguyễn Cao H (K), ông Vũ Ngọc Trinh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại là chị Trần Thị Y và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đào L (Trần Đức D) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên